cóng fàn

从犯

noun · accessory; accomplice

Example Sentences

Tā shì zhè qǐ àn jiàn de cóng fàn
他是这起案件的从犯。

He is an accessory in this case.

Cóng fàn de xíng fá bǐ zhǔ fàn qīng yī xiē
从犯的刑罚比主犯轻一些。

The punishment for an accessory is lighter than that for the principal offender.

Trace each character, then write the word on your own.

从 从 从 从 从 从 从

犯 犯 犯 犯 犯 犯 犯 犯